

CÔNG TY CỔ PHẦN
GARMEX SÀI GÒN

(GARMEX SAIGON)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 202 /CBTT-2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2021
Ho Chi Minh City, Oct. 25th, 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
To: - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
/ *GARMEX SAIGON CORPORATION*
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: GMC
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp,
Thành phố Hồ Chí Minh/ *252 Nguyen Van Luong, Ward 17, GoVap District,*
Ho Chi Minh City
 - Điện thoại/ *Telephone*: 028-39844822
 - Fax: 028 - 39844746
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Tài chính và Đầu tư
- Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu
Information disclosure type: ☒ *Periodic* ☐ *Irregular* ☐ *24 hours* ☐ *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2021

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
25 /10/2021 tại đường dẫn : <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

This information was disclosed on Company's Portal on date Oct. 25th, 2021 Available at: https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Nơi gửi

- Như trên
- Lưu VP

Đại diện tổ chức/ Organization representative

Người UO CBTT/ Party authorized to disclose information

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẰNG



CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
252 NGUYỄN VĂN LƯỢNG, P.17, Q. GÒ VẤP, TP.HCM
MST : 0300742387

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÍ III NĂM 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
252 NGUYỄN VĂN LƯỢNG, P.17, Q. GÒ VẤP, TP.HCM
MST : 0300742387

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÍ III NĂM 2021

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
- Bảng cân đối kế toán riêng	1-4
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6-7
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8-30

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	585,743,204,625	1,007,181,594,339
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	314,972,806,698	571,950,296,562
1. Tiền	111	314,972,806,698	571,950,296,562
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	95,286,264,225	185,564,108,041
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	133,206,350,602	224,867,196,745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10,933,502,173	7,197,258,459
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	709,967,535	284,819,765
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(49,563,556,085)	(46,785,166,928)
IV. Hàng tồn kho	140	152,625,224,057	233,470,654,249
1. Hàng tồn kho	141	156,564,632,892	240,277,592,155
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(3,939,408,835)	(6,806,937,906)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	22,858,909,645	16,196,535,487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1,159,082,046	1,878,642,773
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18,141,495,013	14,317,892,714
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3,558,332,586	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200	218,688,822,645	210,911,854,896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	79,597,700,461	80,838,909,880
1. Tài sản cố định hữu hình	221	78,267,917,518	79,269,761,542
- Nguyên giá	222	257,218,337,167	251,705,849,092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(178,950,419,649)	(172,436,087,550)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	1,329,782,943	1,569,148,338
- Nguyên giá	228	6,018,865,523	6,018,865,523
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(4,689,082,580)	(4,449,717,185)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15,544,472,087	13,130,494,545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15,544,472,087	13,130,494,545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	106,706,722,297	100,743,524,574
1. Đầu tư vào công ty con	251	102,700,000,000	102,700,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4,341,000,000	4,341,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15,395,180,000	15,395,180,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(15,729,457,703)	(21,692,655,426)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	16,839,927,800	16,198,925,897
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13,610,650,841	12,435,761,096
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	3,229,276,959	3,763,164,801
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	804,432,027,270	1,218,093,449,235

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	178,290,113,739	594,854,133,083
I. Nợ ngắn hạn	310	170,180,919,072	585,833,713,583
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	111,668,248,623	150,168,726,661
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4,600,555,202	3,429,687,611
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3,341,812,671	4,529,621,132
4. Phải trả người lao động	314	41,377,050,556	53,208,735,776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4,669,394,948	6,053,005,907
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	3,651,108,673	2,628,703,063
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	364,417,918,906
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	872,748,399	1,397,314,527
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	8,109,194,667	9,020,419,500
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	8,109,194,667	9,020,419,500
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	626,141,913,531	623,239,316,152
I. Vốn chủ sở hữu	410	626,141,913,531	623,239,316,152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	300,052,800,000	300,052,800,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	300,052,800,000	300,052,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	72,687,827,370	72,687,827,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	(863,138,686)	(863,138,686)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	67,754,774,402	67,754,774,402
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	186,509,650,445	183,607,053,066
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	183,607,053,066	130,119,307,910
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	2,902,597,379	53,487,745,156
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	804,432,027,270	1,218,093,449,235

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2021



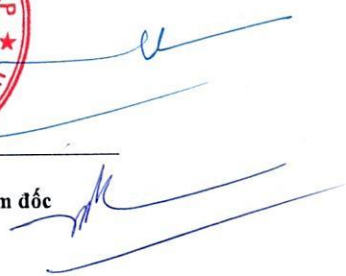
Trần Thị Thu Trâm
Người lập



Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc Quý III năm 2021	Cho kỳ kế toán kết thúc Quý III năm 2020	Lũy kế 09 tháng Năm 2021	Lũy kế 09 tháng Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	205,634,447,523	454,579,856,639	802,866,221,550	1,122,640,323,024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	20,666,455	-	21,687,150
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		205,634,447,523	454,559,190,184	802,866,221,550	1,122,618,635,874
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	192,441,742,719	406,435,978,792	729,004,656,924	974,392,980,731
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13,192,704,804	48,123,211,392	73,861,564,626	148,225,655,143
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5,142,707,608	4,199,051,502	13,439,697,282	8,561,456,030
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	11,118,177,107	14,697,513,115	12,433,141,254	36,422,170,792
Trong đó: chi phí lãi vay	23		594,294,805	1,950,310,113	3,389,408,969	6,206,818,998
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1,056,475,560	2,248,484,265	6,727,568,775	9,694,124,414
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15,164,235,468	32,792,965,522	65,264,843,315	77,182,743,867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9,003,475,723)	2,583,299,992	2,875,708,564	33,488,072,100
11. Thu nhập khác	31	VI.8	443,244,957	1,668,549,475	2,249,291,825	2,482,235,331
12. Chi phí khác	32	VI.9	-	3,261,909	-	3,261,909
13. Lợi nhuận khác	40		443,244,957	1,665,287,566	2,249,291,825	2,478,973,422
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8,560,230,766)	4,248,587,558	5,125,000,389	35,967,045,522
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	(1,876,482,082)	760,429,859	1,688,515,168	6,361,017,985
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		30,078,634	216,204,931	533,887,842	1,292,753,219
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6,713,827,318)	3,271,952,768	2,902,597,379	28,313,274,318

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2021

Trần Thị Thu Trâm
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5,125,000,389	35,967,045,522
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10,989,764,342	12,277,044,845
- Các khoản dự phòng	03	(6,963,562,470)	20,384,048,894
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3,431,058,369	2,476,137,986
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(266,640,906)	(1,827,634,863)
- Chi phí lãi vay	06	3,389,408,969	6,206,818,998
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15,705,028,693	75,483,461,382
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	84,934,416,440	(56,998,454,659)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	83,712,959,263	49,194,397,656
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(49,238,181,288)	(66,979,298,580)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(455,329,018)	134,282,796
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3,466,691,237)	(6,380,121,699)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5,473,911,744)	(7,043,374,182)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(524,566,128)	(6,620,473,214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	125,193,724,981	(19,209,580,500)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15,325,780,921)	(6,588,002,528)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	232,224,615	1,525,285,950
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34,416,291	302,348,913
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15,059,140,015)	(4,760,367,665)

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	133,527,255,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	344,752,175,478	647,910,586,662
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(709,170,094,384)	(572,347,793,783)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(364,417,918,906)	209,090,047,879
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(254,283,333,940)	185,120,099,714
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	571,950,296,562	229,769,985,766
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2,694,155,924)	(506,520,486)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	314,972,806,698	414,383,564,994

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2021



Trần Thị Thu Trâm
Người lập



Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

I. Đặc điểm hoạt động của công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 01 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 300,052,800,000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/09/2021 là: 300,052,800,000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

-May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).Chi tiết : Công nghiệp may, sản phẩm chính : quần áo may sẵn các loại.

-Đại lý,môi giới, đấu giá, Chi tiết : Môi giới thương mại

-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.Chi tiết : Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may

-Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu , chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà, cho thuê xưởng

-Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết ; Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may

-Hoạt động tư vấn quản lý .Chi tiết :Tư vấn kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận xuất khẩu, nhập khẩu;

-Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.Chi tiết : Công nghiệp dệt len các loại;

-Hoàn thiện sản phẩm dệt,Chi tiết : Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở)

-Sản xuất vải dệt thoi.Chi tiết : Công nghiệp dệt vải các loại;

-Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Dịch vụ vận tải;

-Vận tải hành khách đường bộ khác;

-Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;

-Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;

-Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 3 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 3 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 1 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 04 công ty.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- (1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam

+ Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- (2) Công ty TNHH May Tân Mỹ ☐
 - + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- (3) Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long
 - + Địa chỉ: Số 5 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị Xã Bình Dương, Tỉnh Bình Dương
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
- (4) Blue Saigon LLC
 - + Địa chỉ: Số 11100 Đường Valley Boulevard, Phòng 222, Thành Phố El Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	:	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	:	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	:	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	:	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	:	4 - 8 năm

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Phú Mỹ số 02/HĐ-TĐ vào ngày 26 tháng 10 năm 2007 trong thời hạn 43 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo hướng dẫn của Thông tư 45 do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

9. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

12. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

„Quỹ đầu tư phát triển : Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

„Quỹ khen thưởng, phúc lợi : Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

+ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

+ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

+ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	252,455,365	176,065,928
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	314,720,351,333	571,774,230,634
Cộng	314,972,806,698	571,950,296,562

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm/kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	102,700,000,000	(10,498,324,994)	92,201,675,006	102,700,000,000	(16,461,522,717)	86,238,477,283
Công ty TNHH May Tân Mỹ (100% vốn)	15,000,000,000	(9,036,802,277)	5,963,197,723	15,000,000,000	(15,000,000,000)	-
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam (100% vốn)	86,000,000,000	-	86,000,000,000	86,000,000,000	-	86,000,000,000
Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long (51% vốn)	1,700,000,000	(1,461,522,717)	238,477,283	1,700,000,000	(1,461,522,717)	238,477,283
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291
Công ty Cổ phần Phú Mỹ (32.67% vốn)	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15,395,180,000	(2,959,545,000)	12,435,635,000	15,395,180,000	(2,959,545,000)	12,435,635,000
NHNT Vietcombank (25.266 * 50.254)	1,269,730,000	-	1,269,730,000	1,269,730,000	-	1,269,730,000
NHTM CP Việt Á (196.855+10.846CPT) = 207.701 *20.310	3,998,050,000	(2,959,545,000)	1,038,505,000	3,998,050,000	(2,959,545,000)	1,038,505,000
Công ty CP Đầu tư Phát Triển Gia Định (843.950CP)	10,127,400,000	-	10,127,400,000	10,127,400,000	-	10,127,400,000
Cộng	122,436,180,000	(15,729,457,703)	106,706,722,297	122,436,180,000	(21,692,655,426)	100,743,524,574

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Kỳ /Năm nay	Kỳ /Năm trước
Số đầu năm	(21,692,655,426)	(9,011,655,371)
Trích lập dự phòng bổ sung	5,963,197,723	(12,681,000,055)
Số cuối năm/kỳ	(15,729,457,703)	(21,692,655,426)

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	73,280,356,475	91,730,150,987
Blue Sai gon LLC	45,891,635,664	46,651,095,658
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	727,172,240	3,648,825,101
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	3,053,142,254	9,345,904,015
CTY CP SXKD XNK BÌNH THẠNH(GILIMEX)	23,608,406,317	32,084,326,213
<i>Phải thu các khách hàng khác (10%)</i>	59,925,994,127	133,137,045,758
COLUMBIA SPORTSWEAR CO.(HK) LTD	9,023,786,432	72,231,382,993
PROMILES S.N.C	44,463,559,412	55,751,336,617
CTY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG	4,653,922,504	-
NEW WAVE GROUP SA	-	1,947,461,594
TOPO DESIGNS	448,399,027	948,889,508
TEIJIN FRONTIER CO., LTD	1,117,531,378	24,555,079
OUTFIT INTERNATIONAL A/S	54,321,913	2,068,107,869
Công ty TNHH JSP Việt Nam	133,066,217	133,066,217
CÔNG TY TNHH TEIJIN FRONTIER VIỆT NAM	-	27,139,860
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	23,114,520	-
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ NHÀ BÈ	4,100,968	4,100,968
CÔNG TY TNHH SỸ NAM	1,005,053	1,005,053
CÔNG TY TNHH MTV 19-5, BỘ CÔNG AN - CHI NHÁNH PHƯƠNG NAM	3,186,703	-
Cộng	133,206,350,602	224,867,196,745

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán :</i>	<i>10,933,502,173</i>	<i>7,197,258,459</i>
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC LẠC VIỆT	741,727,000	748,727,000
XIAMEN WINTEX TEXTILE CO.,LTD	-	-
TRUNG TÂM THIẾT BỊ PCCC 4/10	1,721,003,340	1,734,753,340
SHANGHAI WEIXING INTERNATIONAL TRADING CO. LTD	5,849,679	-
W.L. GORE & ASSOCIATES (HONG KONG) LTD	-	2,202,437,737
CÔNG TY LUẬT TNHH MTV CÔNG HÙNG VÀ CỘNG SỰ	-	200,000,000
CÔNG TY TNHH MTV PT CN MT BÁCH KHOA	-	11,000,000
FASHION GOING (HK) CO.,LTD	-	53,257,019
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NHÂN HÒA	-	145,200,000
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIẾN AN	226,187,720	35,418,400
FOV FABRICS AB	-	59,420,209
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỸ PHÚ	125,400,000	-
SHANGHAI KIYI INTERNATIONAL TRADE CO., LTD.	3,877,579	3,956,294
CTY TNHH SX DV TM CÁCH KIÊM	75,000,000	75,000,000
CÔNG TY TNHH THẨM ĐỊNH GIÁ CHUẨN VIỆT	88,500,000	88,500,000
DEZHOU JUNXIANG TEXTILES CO., LTD	19,787,618	20,189,309
CONTROL UNION VIETNAM CO.,LTD	87,005,952	-
MAPS TEKSTIL DIS TICARET VE PAZARLAMA LTD ST	-	396,665,856
CÔNG TY CP KH CN BÁCH KHOA TP.HCM	296,870,000	296,870,000
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIÊN THÔNG QUÂN ĐỘI	26,400,000	26,400,000
CTY TNHH CÔNG NGHỆ A.N.S.I	25,642,500	25,642,500
CN TẠI TPHCM-CTY CP TV DV VỀ TS BĐS DATC(TP HNỘI)	10,000,000	10,000,000
EDEN ROAD INTERNATIONAL LIMITED	3,235,815	3,676,540
CÔNG TY TNHH TM HỒ BẮC	-	23,524,182
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HUY THƯỚC	5,717,189,759	-
EVEREST INVESTMENT (HOLDING) LIMITED.	1,063,216	1,277,256
HAINING JUADING TEXTILE CO.,LTD	35,924,031	-
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG MỸ Á	-	244,669,508
UNITEX INTERNATIONAL BUTTON CO.	12,731,728	-
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐỒNG DƯƠNG	598,889,700	-
CÔNG TY TNHH SỈ VẦN	-	344,036,000
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THIÊN PHÚ GIA	75,000,000	75,000,000
CÔNG TY LUẬT TNHH TƯƠNG LAI	44,000,000	44,000,000
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM VIỆT BUN	-	307,230,000
CÔNG TY TNHH GRAB	5,000,000	5,000,000
XIAMEN FAIRFINE TEXTILE CO., LTD	901,611,036	-
SHIMADA SHOJI (HK) LIMITED	-	15,407,309
GUANGDONG YETOM NEW MATERIALS CO., LTD	65,804,640	-
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC CHỢ LỚN	2,250,360	-
BEMIS HONGKONG LIMITED	9,630,500	-
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP AN PHÁT	7,920,000	-
Cộng	10,933,502,173	7,197,258,459

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	441,067,841		110,584,615	
PHAN THỊ PHUƠNG	215,545,884		110,584,615	
Khoản thuê nhập khẩu chuyển tiêu thụ nội địa chờ phân bổ	225,521,957			
Tạm ứng	268,899,694		174,235,150	
Cộng	709,967,535	-	284,819,765	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm/kỳ		Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm	
	Dự phòng	Giá gốc		Dự phòng	Giá gốc
Blue Saigon LLC	(45,891,635,664)	45,891,635,664	-	(46,651,095,658)	46,651,095,658
Công ty TNHH JSP Việt Nam	(133,066,217)	133,066,217	-	(133,066,217)	133,066,217
CÔNG TY TNHH SỸ NAM	(1,005,053)	1,005,053	-	(1,005,053)	1,005,053
TOPO DESIGNS	(3,537,849,151)	3,537,849,151	-	-	-
Số cuối năm/kỳ	(49,563,556,085)	49,563,556,085	-	(46,785,166,928)	46,785,166,928

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	95,293,384,175	(447,170,508)	144,411,229,621	(3,305,758,200)
Công cụ, dụng cụ	778,202,168		666,821,176	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	196,941,058		1,582,353,817	
Thành phẩm	60,296,105,491	(3,492,238,327)	93,617,187,541	(3,501,179,706)
Cộng	156,564,632,892	(3,939,408,835)	240,277,592,155	(6,806,937,906)

	Kỳ/Năm nay	Kỳ/ Năm trước
Số đầu năm	(6,806,937,906)	(7,956,269,873)
Hoàn nhập dự phòng NPL	2,858,587,692	-
Hoàn nhập dự phòng TP	8,941,379	375,325,808
Số cuối năm/kỳ	(3,939,408,835)	(7,580,944,065)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Chi phí phần mềm	28,276,665	192,649,167
Máy móc thiết bị	-	-
Chi phí sửa chữa	793,204,319	556,510,247
Công cụ, dụng cụ	15,004,988	94,594,406
Chi phí VC chờ phân bổ	322,596,074	1,034,888,953
Cộng	1,159,082,046	1,878,642,773

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Quyền SD đất	7,958,213,542	8,134,193,692
Máy móc thiết bị	1,629,153,138	340,663,652
Chi phí sửa chữa	7,181,414	131,589,253
Công cụ, dụng cụ	3,995,853,291	3,785,350,124
Phần mềm	20,249,456	43,964,375
Cộng	13,610,650,841	12,435,761,096

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	114,633,412,018	110,876,220,226	12,022,692,135	14,173,524,713	251,705,849,092
- Mua trong kỳ	444,853,650	8,216,921,273	440,000,000	646,780,000	9,748,554,923
- Thanh lý, nhượng bán		(3,811,612,303)		(424,454,545)	(4,236,066,848)
Số cuối năm/kỳ	<u>115,078,265,668</u>	<u>115,281,529,196</u>	<u>12,462,692,135</u>	<u>14,395,850,168</u>	<u>257,218,337,167</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24,002,293,059	80,484,978,906	7,170,452,134	9,895,497,927	121,553,222,026
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	53,369,242,435	97,433,484,279	10,265,859,642	11,367,501,194	172,436,087,550
Khấu hao trong năm/kỳ	3,156,930,405	5,798,183,746	652,718,231	1,142,566,565	10,750,398,947
Thanh lý		(3,811,612,303)		(424,454,545)	(4,236,066,848)
Số cuối năm/kỳ	<u>56,526,172,840</u>	<u>99,420,055,722</u>	<u>10,918,577,873</u>	<u>12,085,613,214</u>	<u>178,950,419,649</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	61,264,169,583	13,442,735,947	1,756,832,493	2,806,023,519	79,269,761,542
Số cuối năm/kỳ	<u>58,552,092,828</u>	<u>15,861,473,474</u>	<u>1,544,114,262</u>	<u>2,310,236,954</u>	<u>78,267,917,518</u>

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	-	6,018,865,523	6,018,865,523
Mua trong năm/kỳ	-	-	-	-	-
Tặng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-
Số cuối năm/kỳ	-	-	-	6,018,865,523	6,018,865,523
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	3,546,134,623	3,546,134,623
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	-	-	4,449,717,185	4,449,717,185
Khấu hao trong năm/kỳ	-	-	-	239,365,395	239,365,395
Số cuối năm/kỳ	-	-	-	4,689,082,580	4,689,082,580
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	1,569,148,338	1,569,148,338
Số cuối năm/kỳ	-	-	-	1,329,782,943	1,329,782,943

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cộng	-	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm/kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cộng
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	13,130,494,545	2,719,867,630	305,890,088	15,544,472,087
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10,020,000,000	-	-	10,020,000,000
Tiền đất xây dựng nhà ở công nhân tại hai (2) thửa đất số 479 và 450 tọa lạc tại Tổ 8, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, H.Tân Thành, T.BR - VT	1,843,383,000	-	-	1,843,383,000
Xây dựng cơ bản 213 Hồng Bàng	1,267,111,545	1,549,158,898	-	2,816,270,443
Hệ thống điện nhà xưởng An Nhơn	-	268,731,210	-	268,731,210
Hệ thống điện nhà xưởng An Phú	-	901,977,522	305,890,088	596,087,434
Cộng	13,130,494,545	2,719,867,630	305,890,088	15,544,472,087

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	Số thuế đầu năm	Số căn cứ tính thuế	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm/kỳ	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số căn cứ tính thuế	Số cuối năm/kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3,763,164,801	18,815,824,007	8,907,675	(542,795,517)	2,713,977,585	3,229,276,959
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1,959,080,901	9,795,404,507	-	(351,642,875)	1,758,214,377	1,607,438,026
Dự phòng quỹ lương	1,804,083,900	9,020,419,500	8,907,675	(191,152,642)	955,763,208	1,621,838,933
Cộng	3,763,164,801	18,815,824,007	8,907,675	(542,795,517)	2,713,977,585	3,229,276,959

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi tiết phát sinh trong năm/kỳ như sau:

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ này/Năm trước
Số đầu năm	3,763,164,801	6,331,213,475
Ghi nhận tăng dự phòng quỹ lương thôi việc	8,907,675	88,728,784
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(542,795,517)	(1,381,482,003)
Số cuối năm/kỳ	3,229,276,959	5,038,460,256

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>90,979,805,792</i>	<i>80,124,629,371</i>
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	81,045,633,988	76,830,446,308
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	9,891,736,030	2,660,270,637
Blue Sai gon LLC	-	310,238,992
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX	9,711,425	250,667,579
CTY CP SXKD XNK BÌNH THẠNH(GILIMEX)	32,724,349	73,005,855
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác :</i>	<i>11,818,484,696</i>	<i>45,819,781,367</i>
DESIPRO PTE LTD	3,968,348,095	9,086,289,436
CÔNG TY TNHH YKK VIỆT NAM	469,105,601	8,348,286,635
TEIJIN FRONTIER CO., LTD	6,358,639,298	8,906,053,356
CÔNG TY TNHH JDT VIỆT NAM	12,724,697	1,521,297,628
CÔNG TY TNHH CN DỆT HUGE BAMBOO	228,161,937	3,925,416,197
HTT INSPIRE (XIAMEN) IMP & EXP CO., LTD	60,418,751	1,762,244,613
VIETNAM PAIHO LTD	347,452,636	2,034,607,859
CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	7,870,165	2,620,268,784
UNITEX INTERNATIONAL BUTTON CO.	-	991,841,143
AVERY DENNISON RIS VIET NAM CO., LIMITED	153,086,468	835,284,121
CÔNG TY TNHH QUANTERM LOGISTICS VIETNAM	-	254,977,928
CÔNG TY TNHH COATS PHONG PHÚ	33,400,859	2,372,810,461
CÔNG TY TNHH DALUEN (VIETNAM)	151,775,078	95,690,610
FORMOSA TAFFETA CO., LTD	-	2,589,408,761
CÔNG TY TNHH MAINETTI (VIỆT NAM)	27,501,111	475,303,835
Các nhà cung cấp khác	8,869,958,135	24,224,315,923
Cộng	111,668,248,623	150,168,726,661

14b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Cộng	-	-

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**15a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	<i>4,600,555,202</i>	<i>3,429,687,611</i>
CÔNG TY TNHH HB VINA	378,493	378,493
CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	1,028,927	1,028,927
ONE SOURCE APPAREL	25,256,871	25,649,093
WERX DESIGNS	2,793,492	2,836,873
SOARTD PTY LTD	312,956,601	317,816,600
NEW WAVE GROUP SA	776,715,592	-
CHU THÀNH TRUNG	92,000,000	92,000,000
GAME GUARD	3,296,641,744	2,895,753,279
KANE TOP	11,617,452	11,797,863
MRG DESIGN LLC	76,043,790	77,224,698
MARK (CHEONG TAI) INTERNATIONAL LIMITED	5,122,240	5,201,785
Cộng	4,600,555,202	3,429,687,611

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

16.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm/kỳ		Số cuối năm/kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-		(670,109,149)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	3,993,600	(3,993,600)	-	670,109,149
Thuế tài nguyên	-	-	4,315,221,004	(1,583,587,460)	2,731,633,544	-
Tiền thuế đất	-	-	47,237,000	(47,237,000)	-	-
Thuế môn bài	-	-			-	-
Thuế TNDN	4,389,359,898	-	1,688,515,168	(5,473,911,744)	603,963,322	-
Thuế TNCN	126,077,705	-	870,900,675	(3,885,201,817)	-	2,888,223,437
Thuế khác (Thuế nhà thầu)	14,183,529	-	106,862,823	(114,830,547)	6,215,805	-
Cộng	4,529,621,132	-	7,032,730,270	(11,778,871,317)	3,341,812,671	3,558,332,586

16.2. Chi phí thuế TNDN

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ /Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,125,000,389	35,967,045,522
- Các khoản điều chỉnh tăng	13,620,256,307	18,891,930,461
- Chi phí không hợp lệ	1,390,827,791	200,351,040
- Hoàn lại chi phí thuế TNDN của dự phòng nợ khó đòi	8,037,190,130	15,912,965,618
- Dự phòng lương, trợ cấp mất việc làm	44,538,375	443,643,919
- Hoàn nhập Lãi do đánh giá lại công nợ và tiền gửi có gốc ngoại tệ		1,747,768,798
- Điều chỉnh giảm hàng dự phòng tồn kho đã bán	693,205,695	-
- Lỗ do đánh giá lại công nợ và tiền gửi có gốc ngoại tệ	3,454,494,316	587,201,086
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14,618,397,283)	(23,053,886,060)
- Dự phòng lương, trợ cấp mất việc làm	(955,763,208)	(1,133,400,001)
- Hoàn nhập hoàn lại dự phòng Blue LLC	(9,795,404,507)	(21,686,975,631)
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá năm trước	(999,700,497)	(213,297,628)
- Điều chỉnh giảm hàng dự phòng tồn kho	(2,867,529,071)	-
Thu nhập tính thuế	4,126,859,413	31,805,089,923
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	825,371,883	6,361,017,985
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	863,143,285	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1,688,515,168	6,361,017,985

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

17. Phải trả người lao động

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	7,807,050,556	19,166,270,302
Tiền lương tháng 13	33,570,000,000	34,042,465,474
Cộng	41,377,050,556	53,208,735,776

18. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác (10%)</i>	<i>4,669,394,948</i>	<i>6,053,005,907</i>
Tiền lương phép phải trả	4,113,000,000	4,570,000,000
Chi phí lãi vay phải trả	-	77,282,268
Chi phí kiểm toán	52,999,999	367,999,996
Chi phí trích trước chi phí gia công, giặt, In,...	503,394,949	1,037,723,643
Cộng	4,669,394,948	6,053,005,907

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>32,200,000</i>	<i>32,200,000</i>
Công ty Tân Mỹ	32,200,000	32,200,000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3,618,908,673</i>	<i>2,596,503,063</i>
Trợ cấp thai sản	208,684,816	208,995,216
Kinh phí công đoàn	1,125,162,324	1,602,507,644
Bảo hiểm	1,927,673,589	290,112,259
CÔNG TY TNHH DỆT QUỐC TẾ COSMOS	304,389,519	304,389,519
Đoàn phí công đoàn	13,480,000	150,980,000
Chia lãi cổ tức	39,518,425	39,518,425
Cộng	3,651,108,673	2,628,703,063

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	-	364,417,918,906
Cộng	-	364,417,918,906

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm/kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số đầu năm (Nguyên tệ)	Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ	Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ (Nguyên tệ)	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn (Nguyên tệ)	Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ	Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ (Nguyên tệ)	Số cuối năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ (Nguyên tệ)
Vay ngắn hạn ngân hàng	364,417,918,906	15,697,520	344,752,175,478	13,267,451	-	709,170,094,384	28,964,970.17	-	-
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	364,417,918,906	15,697,520	304,880,282,715	13,267,450.51		669,298,201,621	28,964,970.17	-	-
NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI - CHI NHÁNH BẮC SÀI GÒN	-	-	39,871,892,763		-	39,871,892,763		-	-
Vay dài hạn đến hạn trả			-						
Cộng	364,417,918,906	15,697,519.66	344,752,175,478	13,267,450.51	-	709,170,094,384	28,964,970.17	-	-

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ/Năm nay	Kỳ/Năm trước
Số đầu năm	1,397,314,527	4,013,989,170
Sử dụng quỹ	(524,566,128)	(1,673,894,643)
Số cuối năm/kỳ	872,748,399	2,340,094,527

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
Số đầu năm trước	178,809,280,000	167,155,036,481	(863,138,686)	28,314,942,370	67,754,774,402	441,170,894,567
Lợi nhuận trong kỳ / năm trước		16,452,016,585		-		16,452,016,585
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu và trả cổ tức bằng	121,243,520,000			44,372,885,000		165,616,405,000
Số dư cuối kỳ / năm trước	300,052,800,000	183,607,053,066	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	623,239,316,152
Số dư đầu năm nay	300,052,800,000	183,607,053,066	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	623,239,316,152
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	2,902,597,379				2,902,597,379
Số dư cuối năm nay/kỳ này	300,052,800,000	186,509,650,445	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	626,141,913,531

22.b Cổ phiếu

	Số lượng		
	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành			
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30,005,280		30,005,280
Cổ phiếu phổ thông	30,005,280		30,005,280
Cổ phiếu quỹ			
Cổ phiếu phổ thông	(49,260)	0.16%	(49,260)
Cổ phiếu đang lưu hành			
Cổ phiếu phổ thông	29,956,020	99.84%	29,956,020
Tổng cộng	30,005,280	100%	30,005,280

23. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	13,171,251.43	24,786,556.10
NH TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM) - CN TPHCM	204,259.28	2,251,511.26
NGÂN HÀNG FIRST BANK	5,696.07	5,696.07
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	8,749,324.47	10,562,769.00
NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI - CN BẮC SÀI GÒN	4,211,971.61	11,966,579.77
Tổng cộng	13,171,251.43	24,786,556.10

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm nay (USD)	Năm trước	Năm trước (USD)
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm				
Doanh thu xuất khẩu	565,511,062,273	24,678,444.93	1,059,830,449,520	45,770,395.03
Doanh thu nội địa	11,190,206,508		3,006,537,897	-
Cộng	576,701,268,781	24,678,444.93	1,062,836,987,417	45,770,395.03

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay		Năm trước	
Công ty TNHH May Tân Mỹ	375,631,206		1,506,542,081	
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	824,572,880		2,332,007,780	
Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	222,564,796,020		47,287,576,000	
Cộng	223,765,000,106	-	51,126,125,861	-

1c. Thông tin bổ sung về doanh thu cho thuê tài sản

Công ty TNHH May Tân Mỹ	2,399,952,663		8,677,209,746	
Cộng	2,399,952,663	-	8,677,209,746	-
Tổng Cộng	802,866,221,550	24,678,444.93	1,122,640,323,024	45,770,395.03

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm nay (USD)	Năm trước	Năm trước (USD)
Giảm giá hàng bán	-	-	21,687,150	939.13
Cộng	-	-	21,687,150	939.13

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	729,004,656,924	974,765,805,427
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(372,824,696)
Cộng	729,004,656,924	974,392,980,731

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá	13,398,534,158	8,232,169,829
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	20,212,800
Chiết khấu thanh toán	6,746,833	26,937,288
Thu nhập lãi	34,416,291	282,136,113
Cộng	13,439,697,282	8,561,456,030

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3,389,408,969	6,206,818,998
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ(chưa thực hiện)		2,476,137,986
Chi phí dự phòng tài chính	(5,963,197,723)	21,999,666,425
Chi phí chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	15,006,930,008	5,739,547,383
Cộng	12,433,141,254	36,422,170,792

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển, xnk	6,727,568,775	9,694,124,414
Cộng	6,727,568,775	9,694,124,414

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	47,167,974,664	59,633,265,378
Chi phí dự phòng nợ xấu	2,778,389,157	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,718,099,342	5,060,123,440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,265,299,928	7,498,797,769
Chi phí đồ dùng văn phòng (CCDC)	1,319,951,758	1,023,753,518
Chi phí khác bằng tiền	2,015,128,466	3,966,803,762
Cộng	65,264,843,315	77,182,743,867

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	232,224,615	1,525,285,950
Các khoản khác	2,017,067,210	956,949,381
Cộng	2,249,291,825	2,482,235,331

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	-	3,261,909
Cộng	-	3,261,909

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	299,056,433,803	602,832,348,907
Chi phí nhân công	226,056,606,484	282,339,374,477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10,989,764,342	12,277,044,845
Chi phí Công cụ dụng cụ	7,017,558,794	3,480,807,464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217,634,143,412	149,929,244,351
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2,778,389,157	-
Chi phí khác	2,473,976,857	1,903,769,281
Cộng	766,006,872,849	1,052,762,589,325

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có**2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:**

-Vào ngày, Công ty đã nhận được công văn số 5607/UBCK-QLCB ngày 27 tháng 09 năm 2021 về việc kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của GMC. Theo đó công ty đã thực hiện phân phối 2.994.979 cổ phiếu phổ thông của Công ty để trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với trị giá là 29.949.790.000 VND theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông số 01/NQ-ĐHCD/2021 ngày 24 tháng 05 năm 2021 và Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 40/NQ-HĐQT/2021 ngày 09 tháng 08 năm 2021.

-Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty

3 . Thông tin về các bên liên quan**a. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:***Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.**Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	2,775,583,869
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Chi phí Gia công	90,042,593,450
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Công ty con	Chi phí Gia công	92,353,624,604
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	824,572,880
Công ty Cổ Phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt	Chi phí vận chuyển	1,946,150,282
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Doanh thu Gia công	222,564,796,020
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Chi phí NPL, vận chuyển hàng hóa liên quan đến quá trình gia công	182,518,844

b. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 30/09/2021 với các bên có liên quan :

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư công nợ
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Phải thu	3,053,142,254
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Phải thu	727,172,240
Blue Sai gon LLC	Phải thu	45,891,635,664
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	Phải thu	23,608,406,317

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

c. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 30/09/2021 với các bên có liên quan :

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư công nợ
<i>Công ty TNHH May Tân Mỹ</i>	<i>Phải trả</i>	<i>9,891,736,030</i>
<i>Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam</i>	<i>Phải trả</i>	<i>81,045,633,988</i>
<i>Công ty Cổ Phần Transimex</i>	<i>Phải trả</i>	<i>9,711,425</i>
<i>Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh</i>	<i>Phải trả</i>	<i>32,724,349</i>

4. Thông tin bộ phận**a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam được thành lập tại Hoa Kỳ) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

5. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên**** Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 3/2021 bị lỗ khi quý 2/2021 có lãi như sau:**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 2 năm 2021:	7,925,246,687
- Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 3 năm 2021:	(6,713,827,318)

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế Quý 2/2021 có lãi trong khi lợi nhuận sau thuế Quý 3 lỗ là do:

- Doanh thu thuần Quý 3 năm 2021 giảm 84,768,876,001 đồng tỷ lệ giảm 29,19% do Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng chỉ thị 16 nên tình hình sản xuất kinh doanh gặp không ít khó khăn nên doanh thu sản xuất và doanh thu bán hàng giảm.

- Giá vốn giảm 66,924,663,012 đồng, tỷ lệ giảm 25,80%. Tỷ lệ giảm giá vốn thấp hơn tỷ lệ giảm doanh thu do tăng các khoản chi phí chống dịch định kỳ và các chi phí liên quan đến sản xuất 3 tại chỗ khi thực hiện giãn cách xã hội.

- Chi phí bán hàng giảm 1,995,357,612 đồng, tỷ lệ giảm 65,38% chủ yếu do doanh thu giảm nên chi phí xuất nhập hàng giảm

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9,838,259,922 đồng, tỷ lệ giảm 39,35% do giảm khoản lương

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 352,412,576 đồng, tỷ lệ giảm 6,85 % do giảm khoản chênh lệch tỷ giá

- Chi phí tài chính tăng 12,713,698,238 đồng, do quý 3/2021 công ty trích lập khoản lập dự phòng đầu tư vào công ty con là 4 tỷ do chịu ảnh hưởng chỉ thị 16 thực hiện giãn cách xã hội, phát sinh các chi phí test nhanh phòng chống dịch, trong khi quý 2/2021 công ty đã giảm lỗ được 8 tỷ, mặt khác ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá

=> Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận sau thuế của Quý 3/2021 lỗ

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 30/09/2021

Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3/2021 lỗ trong khi quý 3/2020 có lãi:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 3 năm 2020:	3,271,952,768
- Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 3 năm 2021:	(6,713,827,318)
=> Chênh lệch so với năm trước	(9,985,780,086)

Nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 3/2020 có lãi trong khi Quý 3/2021 lỗ, chủ yếu là do:

- Doanh thu thuần quý 3 năm 2021 giảm 248,924,742,661 đồng tỷ lệ giảm 54,76% so với quý 3 năm 2020. doanh thu sụt giảm mạnh là do tình hình dịch bệnh Covid - 19 bùng phát mạnh, đơn hàng nhận được từ khách hàng giảm. Đồng thời trong quý 3 Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng chỉ thị 16 nên tình hình sản xuất kinh doanh gặp không ít khó khăn nên doanh thu sản xuất và doanh thu bán hàng giảm.

- Giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm tương ứng 232,814,974,832 đồng, tỷ lệ giảm 52,74%

- Chi phí tài chính giảm 3,579,336,008 đồng, tỷ lệ giảm 24,35% do ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá, khoản dự phòng đầu tư tại công ty con giảm lỗ so với cùng kỳ năm ngoái, đồng thời chi phí lãi vay ngắn hạn giảm

=> Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận sau thuế của Quý 3/2021 lỗ

6. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.



Trần Thị Thu Trâm
Người lập biểu



Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng giám đốc

